

PHỤ LỤC II
MẪU BÁO CÁO CÔNG TÁC AN TOÀN - VỆ SINH LAO ĐỘNG

(Kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 05 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội)

ĐỊA PHƯƠNG: TỈNH BÌNH DƯƠNG

DOANH NGHIỆP, CƠ SỞ: CÔNG TY TNHH FUJIKURA FIBER OPTICS VIỆT NAM

Kính gửi: SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH & XÃ HỘI BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO CÔNG TÁC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Năm: 2019

Tên¹: CÔNG TY TNHH FUJIKURA FIBER OPTICS VIỆT NAM

Nghề nghiệp sản xuất kinh doanh²: Sản xuất linh kiện cáp quang

Loại hình³: Công ty 100% vốn nước ngoài

Cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý⁴: Ban quản lý VSIP

Địa chỉ: (Số nhà, đường phố, quận, huyện, thị xã): Số 9, Đường số 6, Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274 3757 848

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH & XÃ HỘI BÌNH DƯƠNG
ĐÃ TIẾP NHẬN
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người tiếp nhận:.....

TT	Các chỉ tiêu trong kỳ báo cáo	ĐVT	Số liệu
A	Báo cáo chung		
1	Lao động		
	1.1. Tổng số lao động	Người	2,239.0
	- Trong đó:		
	+ Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động	Người	16.0
	+ Người làm công tác y tế	Người	8.0
	+ Lao động nữ	Người	1,818.0
	+ Lao động làm việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (điều kiện lao động loại IV, V, VI)	Người	7.0
	+ Lao động là Người chưa thành niên	Người	-
	+ Người dưới 15 tuổi	Người	-
	+ Người khuyết tật	Người	-
	+ Lao động là người cao tuổi	Người	4.0
2	Tai nạn lao động		
	- Tổng số vụ tai nạn lao động (2 vụ tai nạn nhẹ trong nhà máy-trầy xước da, 1 vụ tai nạn giao thông trên đường đi làm)	Vụ	4.0
	+ Trong đó, số vụ có người chết	Vụ	-
	- Tổng số người bị tai nạn lao động	Người	5.0
	+ Trong đó, số người chết vì tai nạn lao động	Người	-
	- Tổng chi phí cho tai nạn lao động (cấp cứu, điều trị, trả tiền lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp ...)	Triệu đồng	44.1

	- Thiệt hại về tài sản (tính bằng tiền)	Triệu đồng	
	- Số ngày công nghỉ vì tai nạn lao động	Ngày	59.0
3	Bệnh nghề nghiệp		
	- Tổng số người bị bệnh nghề nghiệp cộng dồn tại thời điểm báo cáo	Người	-
	Trong đó, số người mắc mới bệnh nghề nghiệp	Người	-
	- Số ngày công nghỉ vì bệnh nghề nghiệp	Ngày	-
	- Số người phải nghỉ trước tuổi hưu vì bệnh nghề nghiệp	Người	-
	- Tổng chi phí cho người bị bệnh nghề nghiệp phát sinh trong năm (Các khoản chi không tính trong kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động như: điều trị, trả tiền lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp ...)	Triệu đồng	-
4	Kết quả phân loại sức khỏe của người lao động		
	+Loại I	Người	96.0
	+ Loại II	Người	1,265.0
	+ Loại III	Người	357.0
	+ Loại IV	Người	225.0
	+ Loại V	Người	24.0
5	Huấn luyện về an toàn - vệ sinh lao động		
	a) Tổng số người nhóm 1 được huấn luyện/ tổng số người nhóm 1 hiện có	Người/ người	27/27
	b) Tổng số người nhóm 2 được huấn luyện/ tổng số người nhóm 2 hiện có	Người/ người	2/2
	c) Tổng số người nhóm 3 được huấn luyện/ tổng số người nhóm 3 hiện có	Người/ người	641/641
	Trong đó:		
	- Tự huấn luyện	Người	-
	- Thuê tổ chức cung cấp dịch vụ huấn luyện	Người	641/641
	d) Tổng số người nhóm 4 được huấn luyện/ tổng số người nhóm 4 hiện có	Người/ người	1388/1388
	đ) Tổng số người nhóm 5 được huấn luyện/ tổng số người nhóm 5 hiện có	Người/ người	1/7
	e) Tổng số người nhóm 6 được huấn luyện/ tổng số người nhóm 6 hiện có	Người/ người	14/14
	g) Tổng chi phí huấn luyện	Triệu đồng	36.8



6	Máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động		
	- Tổng số	Cái	18.0
	- Trong đó: 02 bình khí nén, 01 xe nâng người, 02 thang máy, 01 hệ thống đường ống dẫn khí đốt LPG, 02 thiết bị hấp sợi Fiber bằng Hydro cao áp, 06 chai chứa khí nén (Oxy, Argon, Nito), 04 chai chứa khí công nghiệp (Hydro, Heli)	-	-
	+ Máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ đang được sử dụng	Cái	18.0
	+ Số đã được kiểm định	Cái	18.0
	+ Số chưa được kiểm định	Cái	-
	+ Số đã được khai báo	Cái	18.0
	+ Số chưa được khai báo	Cái	-
7	Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi		
	- Tổng số người làm thêm trong năm	Người	2,134.0
	- Tổng số giờ làm thêm trong năm	Giờ	603,782.1
	- Số giờ làm thêm cao nhất trong 01 tháng	Giờ	30.0
8	Bồi dưỡng chống độc hại bằng hiện vật		
	- Tổng số người	Người	1,388.0
	- Tổng chi phí (Chi phí này nằm trong Chi phí chăm sóc sức khỏe nêu tại Điểm 10)	Triệu đồng	2,068.0
9	Tình hình quan trắc môi trường lao động		
	- Số mẫu quan trắc môi trường lao động	Mẫu	379.0
	- Số mẫu không đạt tiêu chuẩn	Mẫu	19.0
	- Số mẫu không đạt tiêu chuẩn cho phép/Tổng số mẫu đo	Mẫu/mẫu	19/379
10	Chi phí thực hiện kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động		
	- Các biện pháp kỹ thuật an toàn	Triệu đồng	940.6
	- Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân	Triệu đồng	1,101.7
	- Chăm sóc sức khỏe người lao động (Lấy chi phí Bồi dưỡng chống độc hại bằng hiện vật (Mục 8) + Chi phí Khám sức khỏe, tiêm ngừa)	Triệu đồng	3,166.5
	- Tuyên truyền, huấn luyện	Triệu đồng	36.8

	- Đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động	Triệu đồng	-
	- Chi phí khác	Triệu đồng	99.2
11	Tổ chức cung cấp dịch vụ:		
	a) Dịch vụ về an toàn, vệ sinh lao động được thuê theo quy định tại khoản 5 Điều 72 Luật an toàn, vệ sinh lao động (nếu thuê)	Tên tổ chức	-
	b) Dịch vụ về y tế được thuê theo quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật an toàn, vệ sinh lao động (nếu thuê)	Tên tổ chức	Bệnh viện Hoàn Hào - Dĩ An, Bình Dương
12	Thời điểm tổ chức tiến hành đánh giá định kỳ nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động	Tháng, năm	-
13	Đánh giá hiệu quả các biện pháp phòng chống các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại theo quy định tại Điều 7 Nghị định 39/2016/NĐ-CP	Có/Không	Có
	Nếu có đánh giá thì:		
	a) Số lượng các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại đã được nhận diện trong kỳ đánh giá	Yếu tố / năm	352.0
	b) Số lượng các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại đã được cải thiện trong năm	Yếu tố	338.0

Công ty Fujikura Fiber Optics Việt Nam không nằm trong danh mục Ngành, nghề có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo Điều 8, Thông tư số 07/2016/TT-BLĐTBXH.

Nơi nhận:

-Như trên:

-Lưu VT:

Bình Dương, ngày 09 tháng 01 năm 2019

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)



Hiroyuki Niki
Assistant General Director